

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH NĂM CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

UBND TỈNH THANH HÓA - CV - NC

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 5 năm 2022.

ĐẾN	Số: 26732
	Ngày: 27/5/22
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	Trước hết,

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu xin gửi tới quý Cơ quan lời chào trân trọng!

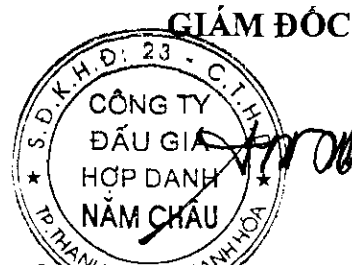
Thực hiện công văn số 6981/UBND-THKH ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu các dự án có sử dụng đất; dự án PPP và đấu giá tài sản.

Nay Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét và đăng trên cổng thông tin điện tử Thanh Hóa các thông báo đấu giá tài sản do Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu ban hành (có nội dung thông báo kèm theo).

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Vp cty.



Đấu giá viên: Nguyễn Anh Đức

Số: 660/TB-NC

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v Đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất

1. Tên, địa chỉ của Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu, số 76 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Tài sản đấu giá gồm: Quyền sử dụng 104 lô đất ở hộ gia đình, cá nhân tại khu dân cư Đồng Ri, thôn Ngọc Tích, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 1165 ngày 20/4/2021 với tổng diện tích đấu giá là: 15.343,9 m² (Mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba phẩy chín mét vuông). (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

* Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

* *Hiện trạng khu đất:* Đã đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: từ **5.000.000** đồng/m² đất đến **6.800.000** đồng/m²;

3.3. Tiền đặt trước: **128.100.000** đồng/01 lô đất đến **225.000.000** đồng/01 lô đất;

3.4. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: **500.000** đồng/01 hồ sơ.

(*Hồ sơ đã mua không được đổi trả*).

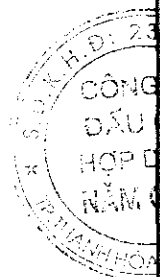
4. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và có đủ điều kiện tham gia theo quy định của Pháp luật.

4.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu phát hành (*Đơn ghi đầy đủ tên vợ, tên chồng; năm sinh; số CMND/CCCD*), trường hợp cá nhân đứng tên phải có giấy tờ chứng minh tài sản riêng theo quy định;

- Đơn cam kết đảm bảo các nội dung: *Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá không còn nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn, cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch,*



đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá.

- Bản sao chứng thực CMND/CCCD, sổ hộ khẩu,....
- Văn bản ủy quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật (nếu có)....

4.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo các nội dung quy định trong thông báo, quy chế do công ty phát hành;

- Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá không còn nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn tỉnh;

- Người tham gia đấu giá chỉ được tham gia đấu giá các lô đất tương ứng với số lượng hồ sơ và tiền đặt trước mà khách hàng đã nộp.

- Đối với trường hợp người đăng ký không thể tham gia đấu giá được thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản 2016.

5. Nguyên tắc đấu giá: Đấu giá theo nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực, bình đẳng. Lô đất đủ điều kiện tổ chức đấu giá khi có ít nhất từ 02 khách hàng đăng ký.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: theo hình thức bỏ phiếu kín, trực tiếp tại cuộc đấu giá, tối đa 01 vòng dưới sự điều hành của đấu giá viên.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên

6.3 Bước giá: là phần cộng thêm để xác định giá trả tối thiểu hợp lệ của vòng đấu bổ sung được áp dụng trong trường hợp Đấu giá viên tổ chức vòng đấu bổ sung khi có từ hai khách hàng tham gia cùng trả giá cao bằng nhau. (Bước giá quy định là 1% mức giá trả cao nhất bằng nhau).

7. Thời gian tổ chức:

7.1 Thời gian xem tài sản, tham khảo hồ sơ tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá và tham khảo hồ sơ, quy chế cuộc đấu giá, bản vẽ MBQH khu đất đấu giá được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu, UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ ngày **31/05/2022** đến hết ngày **17/06/2022** (Trong giờ hành chính).

7.2 Thời gian mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá:

- Từ ngày **31/05/2022** đến hết ngày **17/06/2022** (trong giờ hành chính) tại trụ sở UBND xã Đông Thanh và tại Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu.

7.3. Thời gian nộp tiền đặt trước: **Từ ngày 15/06/2022 đến hết ngày 17/06/2022.**

Khách hàng nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Công ty:

- Tên tài khoản: Công ty Đấu giá Hợp danh Năm Châu.

- Số tài khoản: **117002891911** tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa – PGD Cao Thắng.

- Nội dung nộp (chuyển) tiền đặt trước:

+ [Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá + Số CMND/CCCD]_ nộp tiền đặt trước (Số lượng lô đất) MB 1165 xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn.

+ Ví dụ 1: Nguyễn Văn A CMND số 132999888_ nộp tiền đặt trước 01 lô đất MB 1165 xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn.

+ Ví dụ 2: Nguyễn Văn C CCCD số 03811110000 nộp tiền đặt trước 03 lô đất MB 1165 xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn.

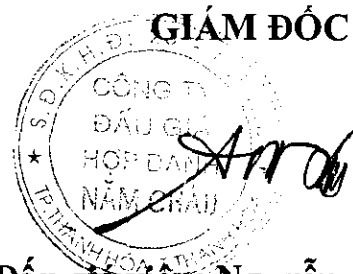
7.5. Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: **07h30 ngày 20/06/2022.**

- Địa điểm đấu giá: **tại UBND xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn.**

Mọi chi tiết khách hàng liên hệ trong giờ hành chính tại Công ty đấu giá Hợp danh Năm Châu, Số 76 đường Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên TP. Thanh Hoá.
ĐT: 0904.235.586/0989.589.052.

Nơi nhận:

- UBND huyện Đông Sơn;
- Phòng TNMT huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Thanh;
- Công TTĐTQG về DGTS –BTP;
- Công TTĐT UBND tỉnh;
- Báo – Đài PTTH Thanh Hóa;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu Vp Cty.



Đấu giá viên: Nguyễn Anh Đức



PHỤ LỤC
CÁC LÔ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ
ĐỒNG RI, THÔN NGỌC TÍCH, XÃ ĐỒNG THANH, HUYỆN ĐÔNG SƠN
(MBQH số 1165 ngày 20/04/2021)

(Kèm theo thông báo đấu giá của Công ty đấu giá hợp danh Năm Châu)

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/lô)
1	2	3	4	5	6	7
1	LK-A:02	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
2	LK-A:05	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
3	LK-A:06	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
4	LK-A:10	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
5	LK-A:13	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
6	LK-A:16	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
7	LK-A:17	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
8	LK-A:18	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
9	LK-A:20	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
10	LK-A:23	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
11	LK-A:24	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
12	LK-A:26	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
13	LK-A:27	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
14	LK-A:28	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
15	LK-A:29	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
16	LK-A:30	139,5	6.000.000	837.000.000	167.400.000	500.000
17	LK-B:03	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
18	LK-B:04	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
19	LK-B:06	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
20	LK-B:08	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
21	LK-B:09	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
22	LK-B:11	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
23	LK-B:12	138,0	6.800.000	938.400.000	187.680.000	500.000
24	LK-B:15	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
25	LK-B:20	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
26	LK-B:21	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
27	LK-B:22	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
28	LK-B:23	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
29	LK-B:24	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
30	LK-B:25	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
31	LK-B:26	139,5	6.000.000	837.000.000	167.400.000	500.000
32	LK-C:01	139,5	6.000.000	837.000.000	167.400.000	500.000
33	LK-C:02	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
34	LK-C:03	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
35	LK-C:04	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/lô)
36	LK-C:05	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
37	LK-C:11	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
38	LK-C:12	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
39	LK-C:13	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
40	LK-C:14	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
41	LK-C:15	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
42	LK-C:18	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
43	LK-C:21	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
44	LK-C:22	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
45	LK-C:23	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
46	LK-C:24	132,0	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000
47	LK-C:25	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
48	LK-C:26	139,5	6.000.000	837.000.000	167.400.000	500.000
49	LK-D:01	187,5	6.000.000	1.125.000.000	225.000.000	500.000
50	LK-D:02	180,0	5.000.000	900.000.000	180.000.000	500.000
51	LK-D:03	180,0	5.000.000	900.000.000	180.000.000	500.000
52	LK-D:04	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
53	LK-D:06	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
54	LK-D:07	184,0	5.500.000	1.012.000.000	202.400.000	500.000
55	LK-D:08	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
56	LK-D:09	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
57	LK-D:10	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
58	LK-D:11	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
59	LK-D:12	179,5	6.000.000	1.077.000.000	215.400.000	500.000
60	LK-D:13	179,5	6.000.000	1.077.000.000	215.400.000	500.000
61	LK-D:14	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
62	LK-D:15	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
63	LK-D:16	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
64	LK-D:17	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
65	LK-D:18	184,0	5.500.000	1.012.000.000	202.400.000	500.000
66	LK-D:19	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
67	LK-D:21	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
68	LK-D:22	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
69	LK-D:23	184,0	5.000.000	920.000.000	184.000.000	500.000
70	LK-D:24	179,5	6.000.000	1.077.000.000	215.400.000	500.000
71	LK-E:02	146,2	5.000.000	731.000.000	146.200.000	500.000
72	LK-E:03	137,3	5.000.000	686.500.000	137.300.000	500.000
73	LK-E:04	149,0	5.000.000	745.000.000	149.000.000	500.000
74	LK-E:05	181,1	5.000.000	905.500.000	181.100.000	500.000

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá khởi điểm để đấu giá QSD đất (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước/01 hồ sơ (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/lô)
75	LK-E:06	172,2	5.000.000	861.000.000	172.200.000	500.000
76	LK-E:07	163,3	5.000.000	816.500.000	163.300.000	500.000
77	LK-E:08	154,4	5.500.000	849.200.000	169.840.000	500.000
78	LK-E:09	154,7	5.500.000	850.850.000	170.170.000	500.000
79	LK-E:10	145,8	5.000.000	729.000.000	145.800.000	500.000
80	LK-E:11	137,0	5.000.000	685.000.000	137.000.000	500.000
81	LK-E:12	128,1	5.000.000	640.500.000	128.100.000	500.000
82	LK-E:13	137,2	5.000.000	686.000.000	137.200.000	500.000
83	LK-E:14	148,9	5.000.000	744.500.000	148.900.000	500.000
84	LK-E:15	171,3	5.000.000	856.500.000	171.300.000	500.000
85	LK-E:16	155,6	5.000.000	778.000.000	155.600.000	500.000
86	LK-E:17	148,3	5.000.000	741.500.000	148.300.000	500.000
87	LK-E:18	139,4	5.000.000	697.000.000	139.400.000	500.000
88	LK-E:19	130,6	5.000.000	653.000.000	130.600.000	500.000
89	LK-E:21	137,5	5.000.000	687.500.000	137.500.000	500.000
90	LK-E:23	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
91	LK-E:24	144,0	5.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000
92	LK-E:27	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
93	LK-E:28	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
94	LK-E:29	138,0	5.000.000	690.000.000	138.000.000	500.000
95	LK-E:30	138,0	5.500.000	759.000.000	151.800.000	500.000
96	LK-E:33	156,0	5.000.000	780.000.000	156.000.000	500.000
97	LK-E:34	156,0	5.000.000	780.000.000	156.000.000	500.000
98	LK-E:35	145,5	6.000.000	873.000.000	174.600.000	500.000
99	LK-E:36	125,0	5.500.000	687.500.000	137.500.000	500.000
100	LK-E:37	125,0	5.500.000	687.500.000	137.500.000	500.000
101	LK-E:38	125,0	5.500.000	687.500.000	137.500.000	500.000
102	LK-E:39	125,0	5.500.000	687.500.000	137.500.000	500.000
103	LK-E:40	125,0	5.500.000	687.500.000	137.500.000	500.000
104	LK-E:41	137,5	5.500.000	756.250.000	151.250.000	500.000
Tổng cộng		15.343,9		82.332.600.000	16.466.520.000	